TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2017/DS-PT
Ngày: 18-10-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Hồ Chí Tâm

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 195/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Diễm T, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Số 196, ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1972.

Cư trú tại: Số 207, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1977; Cư trú tại: Số 231, đường số 12, Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017)

3. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Võ Ngọc T.

(Bà T và ông C có mặt trước Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện đề ngày 30-5-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tô Thị Diễm T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hùng M trình bày:*

Ông Võ Ngọc T có vay tiền của bà cụ thể các lần như sau:

1. Ngày 02-01-2017 vay số tiền 170.000.000đ;

2. Ngày 08-01-2017 vay 02 lần số tiền 60.000.000đ và 500.000.000đ;

3. Ngày 09-01-2017 vay số tiền 350.000.000đ;

4. Ngày 10-01-2017 vay số tiền 100.000.000đ;

5. Ngày 13-01-2017 vay số tiền 350.000.000đ;

6. Ngày 15-01-2017 vay số tiền 70.000.000đ;

7. Ngày 16-01-2017 vay 02 lần số tiền 500.000.000đ và 500.000.000đ;

8. Ngày 21-01-2017 vay 02 lần số tiền 300.000.000đ và 350.000.000đ

9. Ngày 24-01-2017 vay số tiền 200.000.000đ;

10. Ngày 25-01-2017 vay số tiền 500.000.000đ;

11. Ngày 24-02-2017 vay số tiền 300.000.000đ;

12. Ngày 30-4-2017 vay 02 lần số tiền 2.200.000.000đ và 174.000.000đ.

Tổng số tiền ông T vay là 6.624.000.000đ (sáu tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu đồng) trong đó số tiền 4.250.000.000đ là của nợ năm 2016 chuyển sang năm 2017, số tiền 2.374.000.000đ là vay của năm 2017. Mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 01 tháng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Từ khi vay đến nay ông T không trả tiền lãi và tiền gốc cho bà.

Vì vậy, nay bà yêu cầu ông T trả cho bà tiền gốc 6.624.000.000đ và tiền lãi 1%/1tháng tính từ ngày vay đến ngày 30-5-2017 là 210.046.500đ. Tổng số tiền yêu cầu là 6.834.046.500đ (sáu tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

**Bị đơn là ông Võ Ngọc T trình bày:* Ông thừa nhận có vay tiền của bà T vào ngày 24-11-2016, nhưng chỉ vay số tiền 2.000.000.000đ, sau đó ông đã thanh toán cho bà T 1.000.000.000đ vào ngày 14-12-2016 (ông vay của bà Lâm Thị L 1.000.000.000đ trả cho bà T). Vì vậy, ông chỉ thừa nhận còn nợ bà T số tiền 1.000.000.000đ.

Khi vay tiền, hai bên thỏa thuận tiền lãi 4.000đ/1.000.000đ/ngày/số tiền vay. Ông đã thanh toán tiền lãi cho bà T nhiều lần như sau:

1. Ngày 24-11-2016 trả tiền lãi 36.000.000đ;

2. Ngày 10-12-2016 trả tiền lãi 15.000.000đ;

3. Ngày 22-12-2016 trả tiền lãi 42.000.000đ;

4. Ngày 13-12-2016 trả tiền lãi 42.000.000đ;

5. Ngày 16-12-2016 trả tiền lãi 60.000.000đ;

6. Ngày 08-12-2016 trả tiền lãi 67.200.000đ;

7. Ngày 09-12-2016 trả tiền lãi 42.000.000đ;

8. Ngày 21-12-2016 trả tiền lãi 36.000.000đ;

9. Ngày 15-12-2016 trả tiền lãi 8.400.000đ;

10. Ngày 25-12-2016 trả tiền lãi 84.000.000đ;

11. Ngày 02-12-2016 trả tiền lãi 20.400.000đ;

12. Ngày 06-12-2016 trả tiền lãi 60.000.000đ.

Tổng số tiền lãi đã trả cho bà T là 513.000.000đ (năm trăm mười ba triệu đồng).

Các biên nhận tiền do ông viết và ký tên nhưng thực tế không có sự giao nhận tiền mà những biên nhận đó là ghi lại biên nhận vay tiền của năm 2016, khi giao dịch giao nhận tiền thì sẽ ghi số tiền lãi đã trả ở phía dưới góc của tờ giấy biên nhận. Riêng biên nhận tiền ngày 30-4-2017 với số tiền 3.374.000.000đ là biên nhận tiền lãi.

Nay ông đồng ý trả cho bà T số tiền 1.000.000.000đ và yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã trả là 513.000.000đ, ông đồng ý trả cho bà T số tiền 487.000.000đ (bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST, ngày 27-7-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a, c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTNQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Diễm T.

Buộc ông Võ Ngọc T phải trả cho bà Tô Thị Diễm T số tiền 6.834.046.500đ (sáu tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, ông T còn phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật tính trên số tiền chưa trả.

2. Về án phí: Buộc ông Võ Ngọc T phải chịu là 114.834.000đ (một trăm mười bốn triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí bà Tô Thị Diễm T đã nộp là 57.417.000đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006422, ngày 08-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 10-8-2017, bị đơn là ông Võ Ngọc T kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Minh C là người đại diện hợp pháp của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông Võ Ngọc T kháng cáo yêu cầu như sau:

- Ông T chỉ đồng ý trả cho bà Tô Thị Diễm T 1.000.000.000 đồng tiền nợ đã vay.

- Ông T đề nghị giảm tiền án phí với lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn do làm ăn bị thua lỗ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Võ Ngọc T thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

- Về việc ông Võ Ngọc T kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Tô Thị Diễm T 1.000.000.000 đồng tiền nợ đã vay: Xét tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký họ tên trong 16 "Biên nhận" từ ngày 02-01-2017 đến ngày 30-4-2017 là của ông T. Ông T cho rằng chỉ vay của bà T 1.000.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần này.

Về tiền lãi: Xét các tờ giấy ghi tiền lãi là do ông T tự viết và ký họ tên. Bà T không thừa nhận ông T có đóng tiền lãi, ông T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở xem xét phần này.

- Về việc ông Võ Ngọc T đề nghị giảm tiền án phí với lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn do làm ăn bị thua lỗ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận

một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Ngọc T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Võ Ngọc T được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc ông Võ Ngọc T kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Tô Thị Diễm T 1.000.000.000 đồng tiền nợ đã vay: Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Minh Châu là người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký họ tên trong 16 "Biên nhận" từ ngày 02-01-2017 đến ngày 30-4-2017 là của ông T. Theo nội dung 16 "Biên nhận" này thì thể hiện từ ngày 02-01-2017 đến ngày 30-4-2017, ông T có vay của bà T 16 lần tiền, tổng cộng 6.624.000.000 đồng. Trong đó, số tiền 4.250.000.000 đồng là tiền nợ vay của năm 2016 chuyển sang năm 2017, còn số tiền 2.374.000.000 đồng là tiền nợ vay của năm 2017. Ông T cho rằng có vay của bà T số tiền trên nhưng đã trả cho bà T được 5.624.000.0000 đồng nên chỉ còn nợ 1.000.000.000 đồng. Trong khi đó, bà T không thừa nhận lời trình bày này, ông T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần này. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông T có nghĩa vụ trả cho bà T 6.624.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tiền lãi: Xét các tờ giấy ghi tiền lãi là do ông Võ Ngọc T tự viết và ký họ tên. Bà T không thừa nhận ông T có đóng tiền lãi, ông T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để điều tiết tiền lãi theo yêu cầu của ông T.

[3] Về tiền lãi: Do ông Võ Ngọc T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông T trả cho bà Tô Thị Diễm T 210.046.500 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về việc ông Võ Ngọc T đề nghị giảm tiền án phí: Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Ngọc T nộp đơn đề nghị giảm tiền án phí với lý do hoàn cảnh gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn, có xác nhận của UBND xã T, huyện V, tỉnh Long An. Do đó, áp dụng các Điều 13, 14 và 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

[5] Từ nhận định [2], [3] và [4], Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Ngọc T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Ông Võ Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Diễm T được chấp nhận là: 112.000.000 đồng + 0,1% x(6.834.046.500 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 114.834.000 đồng.

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T nên ông T còn phải nộp tiếp: 50% x 114.834.000 đồng = 57.417.000 đồng.

Ông Võ Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Ngọc T.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 27-7-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 13, 14, 15, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Diễm T về việc yêu cầu ông Võ Ngọc T trả tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Võ Ngọc T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Tô Thị Diễm T tổng cộng 6.834.046.500 đồng (Sáu tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Ngọc T phải nộp 57.417.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Tô Thị Diễm T 57.417.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006422 ngày 08-6-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (do bà Phan Thị Thu L nộp thay) theo Biên lai thu số 0006506 ngày 21-8-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn